

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0001	Nguyễn Hoài An	05/12/1996	Toán học	THPT Hoài Đức C		
2	GV0002	Quyền Thị Huệ Anh	23/02/1997	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
3	GV0003	Đinh Thị Phương Anh	09/09/1995	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
4	GV0004	Ngô Thị Ngọc Anh	07/03/1994	Toán học	THPT Đông Mỹ		
5	GV0005	Nguyễn Thị Vân Anh	31/08/2000	Toán học	THPT Đông Mỹ		
6	GV0006	Nguyễn Mạnh Trung Anh	23/01/2000	Toán học	THPT Đông Mỹ		
7	GV0007	Tạ Thị Kim Anh	28/12/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
8	GV0008	Hoàng Thị Phương Anh	15/03/1994	Toán học	THPT Hoài Đức C	5 - Dân tộc thiểu số	
9	GV0009	Đặng Thị Mai Anh	04/10/1995	Toán học	THPT Khương Đình		
10	GV0010	Vũ Thị Tú Anh	22/11/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
11	GV0011	Lê Thị Mai Anh	11/09/1995	Toán học	THPT Khương Đình		
12	GV0012	Phạm Thị Vân Anh	27/04/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
13	GV0013	Tuấn Thái Huệ Anh	14/02/1993	Toán học	THPT Khương Đình		
14	GV0014	Phùng Thị Trung Anh	30/09/1995	Toán học	THPT Minh Hà		
15	GV0015	Nguyễn Kiều Anh	16/09/2001	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
16	GV0016	Phạm Đức Anh	25/12/1999	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
17	GV0017	Lã Tuấn Anh	03/07/1993	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
18	GV0018	Nguyễn Thị Lan Anh	01/06/1995	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
19	GV0019	Nguyễn Thị Kiều Anh	28/09/1999	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
20	GV0020	Nguyễn Thị Ngọc Anh	29/08/1993	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
21	GV0021	Lê Thục Anh	13/11/2001	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
22	GV0022	Bùi Thị Hà Anh	22/11/1994	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
23	GV0023	Phùng Đức Anh	23/08/1999	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
24	GV0024	Hoàng Phương Anh	16/09/1993	Toán học	THPT Phúc Lợi		

Tổng số thí sinh: 24



Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0025	Nguyễn Đức Anh	07/12/1992	Toán học	THPT Việt Đức		
2	GV0026	Nguyễn Thuỳ Anh	01/08/1999	Toán học	THPT Xuân Giang		
3	GV0027	Nguyễn Thị Lan Anh	24/11/1998	Toán học	THPT Yên Hòa		
4	GV0028	Nguyễn Thị Ánh	13/02/2000	Toán học	THPT Đông Mỹ		
5	GV0029	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/07/1994	Toán học	THPT Hoài Đức C		
6	GV0030	Đỗ Ngọc Ánh	19/11/2000	Toán học	THPT Minh Hà		
7	GV0031	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	06/09/1998	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
8	GV0032	Phạm Thị Ngọc Bích	08/09/2000	Toán học	THPT Yên Hòa		
9	GV0033	Đỗ Thanh Bình	24/04/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
10	GV0034	Hà Thị Ngọc Bình	28/11/2000	Toán học	THPT Khương Đình	5 - Dân tộc thiểu số	
11	GV0035	Chu Minh Châu	06/07/1999	Toán học	THPT Đại Mỗ		
12	GV0036	Chữ Thị Minh Châu	16/12/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
13	GV0037	Vũ Thị Linh Chi	06/09/2001	Toán học	THPT Đại Mỗ		
14	GV0038	Nguyễn Hà Chi	08/09/2001	Toán học	THPT Đông Mỹ		
15	GV0039	Nguyễn Thị Linh Chi	15/06/1995	Toán học	THPT Đông Mỹ		
16	GV0040	Lê Thùy Chi	21/04/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
17	GV0041	Đặng Thị Linh Chi	02/11/1997	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
18	GV0042	Bùi Thị Phương Chi	26/03/1997	Toán học	THPT Phúc Lợi		
19	GV0043	Bùi Quang Chiến	04/09/2001	Toán học	THPT Đại Cường		
20	GV0044	Lê Thị Chuyên	17/03/1986	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
21	GV0045	Nguyễn Đăng Công	07/03/1993	Toán học	THPT Hoài Đức C		
22	GV0046	Nguyễn Xuân Công	22/03/1988	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
23	GV0047	Nguyễn Mạnh Cường	04/05/1996	Toán học	THPT Hoài Đức C		
24	GV0048	Nguyễn Mạnh Cường	05/12/1996	Toán học	THPT Hoài Đức C		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0049	Lê Anh Đài	24/09/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
2	GV0050	Kiều Thị Dần	14/05/1998	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
3	GV0051	Phạm Trần Tuyết Đan	21/09/2001	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
4	GV0052	Lê Linh Đan	15/07/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
5	GV0053	Lê Tiểu Đăng	01/08/2001	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	5 - Dân tộc thiểu số	
6	GV0054	Nguyễn Thị Đào	05/04/1992	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
7	GV0055	Ngô Văn Đạt	06/08/1990	Toán học	THPT Hoài Đức C		
8	GV0056	Hoàng Minh Đạt	08/06/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
9	GV0057	Dương Công Đạt	02/07/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
10	GV0058	Nguyễn Như Đạt	01/10/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
11	GV0059	Đặng Tiến Đạt	12/11/1999	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
12	GV0060	Nguyễn Thị Hải Diệp	11/12/1998	Toán học	THPT Đông Mỹ		
13	GV0061	Mai Thị Diệu	15/07/1984	Toán học	THPT Khương Đình		
14	GV0062	Nguyễn Huy Du	20/06/2000	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
15	GV0063	Lục Thanh Dự	22/08/1991	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
16	GV0064	Tăng Thị Đức	16/09/1988	Toán học	THPT Hoài Đức C		
17	GV0065	Nguyễn Văn Đức	20/07/1993	Toán học	THPT Yên Hòa		
18	GV0066	Lê Thị Dung	23/01/1995	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
19	GV0067	Nguyễn Xuân Dung	18/03/1997	Toán học	THPT Đông Mỹ		
20	GV0068	Nguyễn Thuý Dung	17/09/1997	Toán học	THPT Hoài Đức C		
21	GV0069	Trần Thị Dung	16/07/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
22	GV0070	Đào Thị Thanh Dung	10/05/1994	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
23	GV0071	Dương Thị Dung	27/01/2000	Toán học	THPT Phúc Lợi		
24	GV0072	Tạ Thị Dung	04/11/1995	Toán học	THPT Việt Đức		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH
Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0073	Nguyễn Anh Dũng	30/04/1998	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
2	GV0074	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	25/07/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
3	GV0075	Nguyễn Thùy Dương	26/07/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
4	GV0076	Trần Quang Duy	31/12/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
5	GV0077	Nguyễn Quốc Duy	27/02/1996	Toán học	THPT Việt Đức		
6	GV0078	Tào Thị Duyên	28/05/1992	Toán học	THPT Khương Đình		
7	GV0079	Nguyễn Thị Duyên	13/05/1996	Toán học	THPT Xuân Giang		
8	GV0080	Vũ Trường Giang	11/12/1999	Toán học	THPT Đại Cường		
9	GV0081	Tạ Hương Giang	06/12/2000	Toán học	THPT Hoài Đức C		
10	GV0082	Vương Thị Hồng Giang	27/01/1995	Toán học	THPT Khương Đình		
11	GV0083	Vũ Kim Giang	24/08/1996	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
12	GV0084	Nguyễn Thị Hà	16/05/1992	Toán học	THPT Đại Mỗ		
13	GV0085	Nguyễn Thị Thu Hà	08/02/2001	Toán học	THPT Hoài Đức C		
14	GV0086	Dương Thu Hà	27/12/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
15	GV0087	Nguyễn Thu Hà	23/09/1994	Toán học	THPT Hoài Đức C		
16	GV0088	Đỗ Thị Thu Hà	14/04/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
17	GV0089	Phạm Thị Hà	26/11/1995	Toán học	THPT Khương Đình		
18	GV0090	Lê Thị Thu Hà	17/02/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
19	GV0091	Chu Thị Hà	01/09/1995	Toán học	THPT Minh Hà		
20	GV0092	Phạm Mỹ Hà	13/03/2000	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
21	GV0093	Nguyễn Thị Hà	11/01/1998	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
22	GV0094	Đinh Thu Hà	24/10/2000	Toán học	THPT Phúc Lợi		
23	GV0095	Nguyễn Thị Thuý Hà	05/05/1997	Toán học	THPT Thăng Long		
24	GV0096	Lương Thị Hai	06/02/1995	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		

Tổng số thí sinh: 24



Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0097	Nguyễn Thị Hải	11/08/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
2	GV0098	Nguyễn Hoàng Hải	31/01/1998	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
3	GV0099	Đào Thị Hải	24/07/1991	Toán học	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		
4	GV0100	Nguyễn Thị Ngọc Hân	15/12/2001	Toán học	THPT Hoài Đức C		
5	GV0101	Nguyễn Thị Hằng	06/10/1989	Toán học	THPT Đại Cường		
6	GV0102	Nguyễn Thị Thu Hằng	11/09/1994	Toán học	THPT Đại Mỗ		
7	GV0103	Nguyễn Thu Hằng	18/07/1996	Toán học	THPT Hoài Đức C		
8	GV0104	Phùng Thị Hằng	10/05/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
9	GV0105	Nguyễn Thu Hằng	09/05/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
10	GV0106	Trần Thị Hằng	29/11/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
11	GV0107	Lưu Thị Hằng	15/12/1996	Toán học	THPT Khương Đình		
12	GV0108	Đỗ Thị Thu Hằng	25/01/1997	Toán học	THPT Minh Hà		
13	GV0109	Tạ Thị Bích Hằng	30/01/1996	Toán học	THPT Minh Hà	11 - Con bệnh binh	
14	GV0110	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/04/1996	Toán học	THPT Minh Khai		
15	GV0111	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	21/02/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
16	GV0112	Hoàng Thị Hạnh	19/03/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
17	GV0113	Nguyễn Mỹ Hạnh	19/09/1997	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
18	GV0114	Phùng Thị Hạnh	03/12/1998	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
19	GV0115	Ngô Thị Hạnh	12/12/1999	Toán học	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		
20	GV0116	Nguyễn Thị Minh Hào	22/02/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
21	GV0117	Nguyễn Thị Minh Hào	04/08/1995	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
22	GV0118	Vũ Hữu Hào	20/09/2000	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	10 - Con thương binh	
23	GV0119	Vũ Thị Thu Hiền	17/12/1992	Toán học	THPT Đông Mỹ		
24	GV0120	Nguyễn Thị Hiền	27/10/1999	Toán học	THPT Khương Đình		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0121	Lưu Thị Hiền	12/07/1994	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
2	GV0122	Trịnh Thu Hiền	05/05/2001	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
3	GV0123	Nguyễn Thị Hiền	28/08/1993	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
4	GV0124	Đinh Thu Hiền	09/12/1988	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
5	GV0125	Nguyễn Đức Hiệp	21/10/1996	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
6	GV0126	Nguyễn Quốc Hiệp	23/08/1999	Toán học	THPT Yên Hòa		
7	GV0127	Lý Công Hiếu	11/05/1988	Toán học	THPT Hoài Đức C	15 - Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị	
8	GV0128	Mai Trọng Hiếu	17/08/1992	Toán học	THPT Minh Hà		
9	GV0129	Nguyễn Thị Minh Hiếu	06/08/2001	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
10	GV0130	Vũ Minh Hiếu	10/06/2001	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
11	GV0131	Hoàng Thị Hoa	30/06/1992	Toán học	THPT Hoài Đức C		
12	GV0132	Dương Thị Hoa	08/02/1995	Toán học	THPT Khương Đình		
13	GV0133	Nguyễn Thanh Hoa	30/01/1999	Toán học	THPT Phúc Lợi		
14	GV0134	Trần Thị Hoa	02/09/1995	Toán học	THPT Yên Hòa		
15	GV0135	Nguyễn Thị Hòa	25/12/1999	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	11 - Con bệnh binh	
16	GV0136	Đỗ Thị Hòa	24/07/1999	Toán học	THPT Xuân Giang		
17	GV0137	Nguyễn Thị Hoài	01/11/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
18	GV0138	Phạm Văn Hoan	29/07/1992	Toán học	THPT Yên Hòa		
19	GV0139	Trần Việt Hoàng	22/10/2001	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
20	GV0140	Trần Thị Hồng	02/05/1989	Toán học	THPT Hoài Đức C		
21	GV0141	Nguyễn Thị Bích Hồng	16/09/1996	Toán học	THPT Khương Đình		
22	GV0142	Nguyễn Thị Bích Hồng	10/09/1993	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
23	GV0143	Phạm Thị Huế	27/10/1994	Toán học	THPT Đại Mỗ	11 - Con bệnh binh	
24	GV0144	Nguyễn Thị Huế	27/03/1991	Toán học	THPT Nguyễn Văn Cừ		

Tổng số thí sinh: 24



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường

Điểm thi: THPT Chu Văn An

Phòng thi số: 07

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0145	Đỗ Thị Huệ	20/11/1990	Toán học	THPT Hoài Đức C		
2	GV0146	Nguyễn Bích Huệ	25/12/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
3	GV0147	Đặng Thu Huệ	02/03/2001	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
4	GV0148	Tô Thị Huệ	16/04/1999	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
5	GV0149	Lê Thị Huệ	20/07/1994	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
6	GV0150	Nguyễn Đình Hưng	11/10/1994	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
7	GV0151	Vũ Thị Thanh Hương	21/01/1995	Toán học	THPT Đại Cồ Vương		
8	GV0152	Kiều Diễm Hương	15/11/1998	Toán học	THPT Hoài Đức C		
9	GV0153	Chu Lan Hương	03/11/1993	Toán học	THPT Hoài Đức C		
10	GV0154	Nguyễn Thị Ngọc Hương	27/07/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
11	GV0155	Bùi Thu Hương	08/01/2000	Toán học	THPT Hoài Đức C		
12	GV0156	Trần Thị Hương	22/10/1991	Toán học	THPT Khương Đình		
13	GV0157	Nguyễn Thị Mai Hương	30/07/2000	Toán học	THPT Khương Đình	10 - Con thương binh	
14	GV0158	Nguyễn Thị Thanh Hương	12/09/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
15	GV0159	Lê Thị Mai Hương	29/09/1998	Toán học	THPT Minh Hà		
16	GV0160	Lê Thị Lan Hương	04/01/1990	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
17	GV0161	Nguyễn Thị Lan Hương	16/10/1998	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
18	GV0162	Phan Thị Thanh Hương	25/05/1990	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
19	GV0163	Vũ Thị Thu Hương	15/04/2001	Toán học	THPT Thăng Long		
20	GV0164	Vương Thị Thu Hương	17/10/1988	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
21	GV0165	Đỗ Thị Hương	07/11/1991	Toán học	THPT Hoài Đức C		
22	GV0166	Đỗ Thị Hương	08/02/1992	Toán học	THPT Hoài Đức C		
23	GV0167	Hoàng Thị Thúy Hương	03/03/1997	Toán học	THPT Hoài Đức C		
24	GV0168	Nguyễn Thị Thu Hương	06/12/1997	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		

Tổng số thí sinh: 24



Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0169	Lê Thị Thu Hường	18/01/1996	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
2	GV0170	Nguyễn Lê Huy	26/12/1993	Toán học	THPT Khương Đình		
3	GV0171	Phạm Quang Huy	22/06/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
4	GV0172	Nguyễn Quang Huy	22/06/1997	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
5	GV0173	Kiều Văn Huy	26/05/2001	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
6	GV0174	Nguyễn Minh Huy	15/04/1999	Toán học	THPT Việt Đức		
7	GV0175	Phùng Thanh Huyền	17/10/2000	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
8	GV0176	Nguyễn Thu Huyền	21/09/1999	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
9	GV0177	Đặng Thị Thu Huyền	12/06/1991	Toán học	THPT Đại Cường		
10	GV0178	Nguyễn Thị Huyền	09/06/1993	Toán học	THPT Đông Mỹ		
11	GV0179	Nguyễn Thị Huyền	04/07/1991	Toán học	THPT Hoài Đức C		
12	GV0180	Bùi Thị Thanh Huyền	09/06/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
13	GV0181	Nguyễn Thị Thu Huyền	23/09/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
14	GV0182	Nguyễn Thị Thanh Huyền	14/02/1996	Toán học	THPT Hoài Đức C		
15	GV0183	Nguyễn Thị Huyền	25/12/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
16	GV0184	Lê Thị Thanh Huyền	16/07/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
17	GV0185	Phạm Mỹ Huyền	21/09/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
18	GV0186	Phạm Thanh Huyền	27/02/1995	Toán học	THPT Khương Đình		
19	GV0187	Vũ Thị Thanh Huyền	09/02/1997	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
20	GV0188	Nguyễn Thị Khánh Huyền	29/10/2000	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
21	GV0189	Trần Thị Huyền	09/11/2000	Toán học	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		
22	GV0190	Lê Thanh Huyền	08/11/1994	Toán học	THPT Xuân Giang		
23	GV0191	Lê Văn Khánh	04/06/1997	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
24	GV0192	Nguyễn Xuân Khiêm	17/10/1992	Toán học	THPT Đông Mỹ		

Tổng số thí sinh: 24



Điểm thi: THPT Chu Văn An

Phòng thi số: 09

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0193	Nguyễn Thị Minh Khuê	28/12/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
2	GV0194	Nguyễn Minh Khuê	19/06/2001	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
3	GV0195	Nguyễn Mạnh Khương	25/09/1995	Toán học	THPT Xuân Giang		
4	GV0196	Nguyễn Trung Kiên	29/01/1998	Toán học	THPT Đại Cường		
5	GV0197	Trịnh Mai Kiên	19/01/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
6	GV0198	Phí Phúc Kiến	21/11/1997	Toán học	THPT Minh Hà		
7	GV0199	Nguyễn Văn Kiệt	29/08/1992	Toán học	THPT Khương Đình		
8	GV0200	Nguyễn Tùng Lâm	20/07/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
9	GV0201	Trần Thị Lan	18/04/1994	Toán học	THPT Hoài Đức C		
10	GV0202	Nguyễn Thị Ngọc Lan	18/01/1991	Toán học	THPT Hoài Đức C		
11	GV0203	Hoàng Thị Lan	22/11/1996	Toán học	THPT Khương Đình		
12	GV0204	Hoàng Thị Lan	23/11/1993	Toán học	THPT Phúc Lợi	5 - Dân tộc thiểu số	
13	GV0205	Nguyễn Thị Lanh	07/10/1999	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
14	GV0206	Nguyễn Thị Nhật Lệ	04/07/1996	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
15	GV0207	Nguyễn Thị Liêm	06/07/1989	Toán học	THPT Hoài Đức C		
16	GV0208	Phùng Thị Hồng Liên	08/10/1996	Toán học	THPT Hoài Đức C		
17	GV0209	Lê Thị Thùy Linh	12/12/1996	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
18	GV0210	Nguyễn Thị Mỹ Linh	09/09/1998	Toán học	THPT Ba Vì		
19	GV0211	Ngô Mỹ Linh	06/08/1997	Toán học	THPT Ba Vì		
20	GV0212	Phạm Quyền Linh	15/07/2001	Toán học	THPT Đại Cường		
21	GV0213	Đỗ Ngọc Linh	08/04/1991	Toán học	THPT Đại Mỗ		
22	GV0214	Cao Hoàng Thùy Linh	26/08/2000	Toán học	THPT Hoài Đức C		
23	GV0215	Lê Thị Thảo Linh	18/10/2000	Toán học	THPT Hoài Đức C		
24	GV0216	Nguyễn Diệu Linh	13/11/1998	Toán học	THPT Hoài Đức C		

Tổng số thí sinh: 24



Trần Thế Cường

Điểm thi: THPT Chu Văn An

Phòng thi số: 10

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0217	Nguyễn Thị Khánh Linh	01/02/2001	Toán học	THPT Hoài Đức C		
2	GV0218	Trần Kiều Linh	13/01/2000	Toán học	THPT Hoài Đức C		
3	GV0219	Vũ Ngọc Linh	08/03/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
4	GV0220	Lê Thị Thuý Linh	06/12/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
5	GV0221	Lê Khánh Linh	01/11/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
6	GV0222	Kim Khánh Linh	29/05/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
7	GV0223	Nguyễn Lại Tú Linh	31/07/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
8	GV0224	Bùi Thị Hồng Linh	15/10/1994	Toán học	THPT Khương Đình		
9	GV0225	Đặng Nhật Linh	18/01/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
10	GV0226	Nguyễn Thị Diệp Linh	12/09/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
11	GV0227	Vương Hải Linh	19/02/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
12	GV0228	Đỗ Thị Mai Linh	19/10/2001	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
13	GV0229	Phùng Thị Diệu Linh	16/02/1999	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
14	GV0230	Phạm Thị Phương Linh	16/11/1994	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
15	GV0231	Đinh Thị Diệu Linh	29/04/1997	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
16	GV0232	Trương Thị Mỹ Linh	15/05/1995	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
17	GV0233	Đặng Phương Linh	07/03/1998	Toán học	THPT Nguyễn Văn Cừ		
18	GV0234	Lưu Thùy Linh	17/08/1999	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
19	GV0235	Nguyễn Thị Khánh Linh	05/12/2001	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
20	GV0236	Nguyễn Thị Phương Linh	29/01/2001	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
21	GV0237	Nguyễn Thị Thúy Linh	16/02/1995	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
22	GV0238	Nguyễn Diệu Linh	17/12/1994	Toán học	THPT Việt Đức		
23	GV0239	Nguyễn Diệu Linh	23/02/1994	Toán học	THPT Yên Hòa		
24	GV0240	Đinh Thị Lĩnh	20/02/1999	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		

Tổng số thí sinh: 24



Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0241	Hoàng Thị Loan	22/06/1998	Toán học	THPT Hoài Đức C		
2	GV0242	Đỗ Thị Loan	29/08/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
3	GV0243	Tô Thị Loan	16/12/1994	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	5 - Dân tộc thiểu số	
4	GV0244	Nguyễn Hồng Loan	27/10/1998	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
5	GV0245	Nguyễn Đức Lộc	16/11/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
6	GV0246	Phạm Duy Lộc	24/10/2000	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
7	GV0247	Nguyễn Tiến Lợi	13/04/1990	Toán học	THPT Việt Đức		
8	GV0248	Đỗ Hoàng Long	01/12/2000	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
9	GV0249	Nguyễn Danh Long	01/08/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
10	GV0250	Nguyễn Thành Long	09/09/1995	Toán học	THPT Khương Đình		
11	GV0251	Phạm Thị Lương	21/01/1992	Toán học	THPT Khương Đình		
12	GV0252	Bùi Khánh Ly	30/06/1998	Toán học	THPT Hoài Đức C		
13	GV0253	Nguyễn Thị Khánh Ly	15/11/2001	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
14	GV0254	Đào Mai Ly	12/02/1995	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
15	GV0255	Chữ Thị Hương Ly	13/09/2000	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
16	GV0256	Lê Hải Ly	16/09/2000	Toán học	THPT Việt Đức		
17	GV0257	Nguyễn Thảo Ly	01/02/2001	Toán học	THPT Xuân Giang		
18	GV0258	Nguyễn Thị Mai	08/03/1999	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
19	GV0259	Kim Thị Mai	21/08/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
20	GV0260	Nguyễn Thị Phương Mai	02/11/1997	Toán học	THPT Hoài Đức C		
21	GV0261	Đinh Thị Tuyết Mai	28/07/1994	Toán học	THPT Hoài Đức C		
22	GV0262	Nguyễn Thị Mai	26/08/1994	Toán học	THPT Hoài Đức C		
23	GV0263	Nguyễn Thanh Mai	09/05/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
24	GV0264	Nguyễn Thị Ngọc Mai	29/07/2001	Toán học	THPT Khương Đình		

Tổng số thí sinh: 24



Trần Thế Cường

Điểm thi: THPT Chu Văn An

Phòng thi số: 12

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0265	Ngô Quỳnh Mai	17/11/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
2	GV0266	Lê Thị Mai	05/12/1994	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
3	GV0267	Nguyễn Thanh Mai	21/10/2000	Toán học	THPT Thăng Long		
4	GV0268	Trịnh Ngọc Mai	19/05/2000	Toán học	THPT Việt Đức	10 - Con thương binh	
5	GV0269	Đỗ Thị Quỳnh Mai	14/10/1994	Toán học	THPT Yên Hòa		
6	GV0270	Trần Thị Mận	14/06/1989	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
7	GV0271	Nguyễn Đức Mạnh	10/06/1997	Toán học	THPT Việt Đức		
8	GV0272	Phạm Văn Mạnh	07/08/1997	Toán học	THPT Yên Hòa		
9	GV0273	Trịnh Ngọc Minh	09/12/1996	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
10	GV0274	Nguyễn Văn Minh	20/08/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
11	GV0275	Nguyễn Thị Nhật Minh	16/04/1997	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
12	GV0276	Đàm Anh Minh	21/02/1996	Toán học	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		
13	GV0277	Hoàng Bình Minh	22/02/2000	Toán học	THPT Yên Hòa		
14	GV0278	Vũ Đức Minh	27/10/2000	Toán học	THPT Yên Hòa		
15	GV0279	Phạm Thị Trà My	13/07/1997	Toán học	THPT Xuân Giang		
16	GV0280	Đặng Thành Nam	10/09/1995	Toán học	THPT Khương Đình		
17	GV0281	Nguyễn Hoài Nam	31/10/1997	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
18	GV0282	Nguyễn Trọng Nam	07/04/2000	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
19	GV0283	Phùng Văn Nam	16/06/1997	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
20	GV0284	Đỗ Thị Thúy Nga	28/10/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
21	GV0285	Nguyễn Thị Nga	16/08/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
22	GV0286	Nguyễn Thị Thanh Nga	25/01/1996	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
23	GV0287	Nguyễn Thanh Nga	10/11/2001	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
24	GV0288	Nguyễn Thị Hiền Nga	14/07/1999	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		

Tổng số thí sinh: 24



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường

Điểm thi: THPT Chu Văn An

Phòng thi số: 13

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0289	Phùng Thị Ngân	14/10/1993	Toán học	THPT Đại Cường		
2	GV0290	Nguyễn Thị Thu Ngân	04/09/1992	Toán học	THPT Hoài Đức C		
3	GV0291	Vũ Phương Ngân	13/10/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
4	GV0292	Phạm Thị Thu Ngân	04/03/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
5	GV0293	Nguyễn Minh Nghĩa	05/09/2000	Toán học	THPT Hoài Đức C		
6	GV0294	Hoàng Tuấn Nghĩa	27/09/1998	Toán học	THPT Việt Đức		
7	GV0295	Nguyễn Thị Ngoan	26/11/1995	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
8	GV0296	Vũ Thị Anh Ngọc	17/02/2000	Toán học	THPT Hoài Đức C		
9	GV0297	Hoàng Thị Ngọc	12/08/1993	Toán học	THPT Hoài Đức C		
10	GV0298	Trịnh Thị Ánh Ngọc	19/10/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
11	GV0299	Tạ Hồng Ngọc	19/11/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
12	GV0300	Hoàng Bích Ngọc	23/09/1990	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
13	GV0301	Trình Ánh Ngọc	02/06/1995	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
14	GV0302	Phạm Thúy Ngọc	17/12/1998	Toán học	THPT Nguyễn Văn Cừ		
15	GV0303	Phạm Thị Hồng Ngọc	09/01/1996	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
16	GV0304	Trần Thị Ngọt	15/02/1989	Toán học	THPT Minh Hà		
17	GV0305	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	30/01/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
18	GV0306	Vũ Thanh Nhân	06/05/1997	Toán học	THPT Hoài Đức C		
19	GV0307	Đỗ Thị Nhân	11/07/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
20	GV0308	Kiều Yến Nhi	13/11/2001	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
21	GV0309	Trần Thị Yến Nhi	12/12/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
22	GV0310	Nguyễn Thảo Nhi	28/11/1996	Toán học	THPT Khương Đình		
23	GV0311	Đỗ Phương Nhi	08/04/2000	Toán học	THPT Việt Đức		
24	GV0312	Hoàng Thị Như	19/11/1997	Toán học	THPT Hoài Đức C		

Tổng số thí sinh: 24



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường

Điểm thi: THPT Chu Văn An

Phòng thi số: 14

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0313	Nguyễn Thị Nhung	29/08/1991	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	5 - Dân tộc thiểu số	
2	GV0314	Chữ Thị Trang Nhung	04/07/2001	Toán học	THPT Đông Mỹ		
3	GV0315	Ngô Thị Nhung	21/09/1996	Toán học	THPT Hoài Đức C		
4	GV0316	Phạm Thị Hồng Nhung	04/11/1994	Toán học	THPT Khương Đình		
5	GV0317	Tạ Thị Nhung	10/03/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
6	GV0318	Dương Thị Hồng Nhung	07/10/1987	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
7	GV0319	Hoàng Thị Nhung	12/01/1992	Toán học	THPT Phúc Lợi		
8	GV0320	Hoa Hồng Nhung	01/04/1998	Toán học	THPT Việt Đức		
9	GV0321	Nguyễn Hồng Nhung	23/01/1997	Toán học	THPT Việt Đức		
10	GV0322	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	18/11/2001	Toán học	THPT Xuân Giang		
11	GV0323	Vương Bá Ninh	11/02/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
12	GV0324	Vũ Thị Nụ	11/01/1991	Toán học	THPT Phúc Lợi		
13	GV0325	Vũ Kiều Oanh	24/05/1992	Toán học	THPT Khương Đình		
14	GV0326	Phùng Thị Oanh	22/10/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
15	GV0327	Lê Kiều Oanh	08/11/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
16	GV0328	Nguyễn Kim Oanh	24/11/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
17	GV0329	Nguyễn Xa Phia	09/03/1986	Toán học	THPT Đại Mỗ		
18	GV0330	Nguyễn Xuân Phú	25/12/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
19	GV0331	Nguyễn Bá Phúc	30/09/1996	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
20	GV0332	Bùi Thị Bích Phương	16/08/1989	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
21	GV0333	Đào Thị Hoài Phương	27/03/1997	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
22	GV0334	Nguyễn Lan Phương	09/01/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
23	GV0335	Đỗ Thanh Phương	25/10/1997	Toán học	THPT Hoài Đức C		
24	GV0336	Hoàng Bích Phương	19/12/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		

Tổng số thí sinh: 24



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0337	Ngô Mai Phương	14/09/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
2	GV0338	Nguyễn Thị Phương	25/12/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
3	GV0339	Ngô Thị Minh Phương	23/04/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
4	GV0340	Nguyễn Minh Phương	17/01/2001	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
5	GV0341	Nguyễn Bích Phương	02/01/1996	Toán học	THPT Nguyễn Văn Cừ		
6	GV0342	Trần Thị Phương	25/02/1997	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
7	GV0343	Lê Hồng Phương	16/01/2001	Toán học	THPT Thăng Long		
8	GV0344	Hà Thu Phương	01/01/1994	Toán học	THPT Xuân Giang		
9	GV0345	Cần Lan Phương	29/11/1996	Toán học	THPT Yên Hòa		
10	GV0346	Đào Thị Mai Phương	25/07/1996	Toán học	THPT Hoài Đức C		
11	GV0347	Vũ Minh Phương	13/02/1982	Toán học	THPT Khương Đình		
12	GV0348	Trần Thị Phương	29/08/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
13	GV0349	Nguyễn Thị Phương	23/06/1994	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
14	GV0350	Nguyễn Hữu Quân	10/06/1997	Toán học	THPT Hoài Đức C		
15	GV0351	Nguyễn Văn Quân	23/08/1999	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
16	GV0352	Bùi Kim Quý	03/08/1999	Toán học	THPT Nguyễn Văn Cừ	10 - Con thương binh	
17	GV0353	Ngô Vương Quyền	08/08/1994	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
18	GV0354	Nguyễn Thị Quỳnh	20/12/1998	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
19	GV0355	Quách Thị Như Quỳnh	07/06/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
20	GV0356	Đỗ Ngọc Quỳnh	07/08/1999	Toán học	THPT Minh Hà		
21	GV0357	Doãn Như Quỳnh	06/03/1993	Toán học	THPT Minh Hà		
22	GV0358	Nguyễn Thị Như Quỳnh	24/05/1997	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
23	GV0359	Phạm Thái Sơn	09/01/1996	Toán học	THPT Khương Đình		
24	GV0360	Nguyễn Minh Tâm	19/08/2000	Toán học	THPT Hoài Đức C		

Tổng số thí sinh: 24



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0361	Lê Minh Tâm	01/11/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
2	GV0362	Trần Đăng Tâm	09/10/2000	Toán học	THPT Thăng Long		
3	GV0363	Quách Minh Tâm	15/01/1994	Toán học	THPT Thăng Long		
4	GV0364	Nguyễn Thị Thắm	04/11/1989	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
5	GV0365	Vũ Việt Thắng	18/12/1998	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
6	GV0366	Lê Anh Thắng	13/07/1999	Toán học	THPT Thăng Long		
7	GV0367	Nguyễn Thị Thanh	01/12/1992	Toán học	THPT Hoài Đức C		
8	GV0368	Nguyễn Thị Thanh	03/01/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
9	GV0369	Phạm Thị Thanh	25/06/1987	Toán học	THPT Khương Đình		
10	GV0370	Nguyễn Thị Thanh Thanh	12/08/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
11	GV0371	Tăng Ngọc Thanh	22/07/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
12	GV0372	Nguyễn Thị Thanh	11/11/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
13	GV0373	Nguyễn Thị Thanh	23/09/1997	Toán học	THPT Xuân Giang		
14	GV0374	Nguyễn Khắc Thành	14/04/1990	Toán học	THPT Khương Đình	18 - Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	
15	GV0375	Dư Đại Thành	04/05/2001	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
16	GV0376	Đặng Thị Thao	05/08/1990	Toán học	THPT Hoài Đức C		
17	GV0377	Nguyễn Văn Thao	11/10/1987	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
18	GV0378	Đinh Thanh Thảo	14/12/1997	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
19	GV0379	Nguyễn Thị Thảo	07/02/1988	Toán học	THPT Đại Cường		
20	GV0380	Bùi Thị Thu Thảo	15/04/1992	Toán học	THPT Hoài Đức C		
21	GV0381	Nguyễn Phương Thảo	06/11/1998	Toán học	THPT Hoài Đức C		
22	GV0382	Nguyễn Phương Thảo	11/10/1997	Toán học	THPT Hoài Đức C		
23	GV0383	Nguyễn Phương Thảo	08/06/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
24	GV0384	Vi Thị Thảo	15/08/1991	Toán học	THPT Khương Đình		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0385	Trần Phương Thảo	02/08/1992	Toán học	THPT Khương Đình		
2	GV0386	Nguyễn Phương Thảo	04/11/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
3	GV0387	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/05/1998	Toán học	THPT Minh Khai		
4	GV0388	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	07/10/1997	Toán học	THPT Minh Khai		
5	GV0389	Nguyễn Phương Thảo	11/12/1998	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
6	GV0390	Đàm Thị Thảo	11/09/1989	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
7	GV0391	Trần Thị Thảo	01/09/1998	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
8	GV0392	Đặng Thị Phương Thảo	21/06/2000	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
9	GV0393	Lưu Thị The	22/02/1989	Toán học	THPT Khương Đình		
10	GV0394	Nguyễn Duy Thề	01/06/2001	Toán học	THPT Minh Khai		
11	GV0395	Trần Tùng Thiện	20/01/2000	Toán học	THPT Đại Mỗ		
12	GV0396	Nguyễn Đức Thịnh	24/11/1986	Toán học	THPT Khương Đình		
13	GV0397	Nguyễn Thị Thịnh	22/07/1995	Toán học	THPT Khương Đình		
14	GV0398	Phan Thị Thoa	13/11/1996	Toán học	THPT Khương Đình		
15	GV0399	Đỗ Thị Thơm	17/08/1991	Toán học	THPT Ba Vì	10 - Con thương binh	
16	GV0400	Nguyễn Thị Thơm	23/03/1994	Toán học	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		
17	GV0401	Đoàn Thị Thu	12/09/1999	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
18	GV0402	Nguyễn Thị Thu	25/12/2000	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
19	GV0403	Trần Thị Thu	13/01/2001	Toán học	THPT Xuân Giang		
20	GV0404	Vũ Thị Thư	30/08/1989	Toán học	THPT Hoài Đức C	11 - Con bệnh binh	
21	GV0405	Dương Anh Thư	13/11/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
22	GV0406	Đỗ Minh Thư	25/08/2001	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
23	GV0407	Đào Thị Thương	26/05/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
24	GV0408	Đào Thị Thuý	15/10/1994	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0409	An Thị Thu Thủy	20/12/1995	Toán học	THPT Minh Khai		
2	GV0410	Phùng Thị Ngọc Thúy	12/10/1996	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
3	GV0411	Nguyễn Thị Thúy	30/03/1997	Toán học	THPT Hoài Đức C		
4	GV0412	Nguyễn Thị Thúy	10/05/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
5	GV0413	Trương Thanh Thúy	30/11/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
6	GV0414	Lý Thị Thúy	21/05/1995	Toán học	THPT Minh Hà		
7	GV0415	Dương Minh Thùy	30/06/1998	Toán học	THPT Hoài Đức C		
8	GV0416	Bùi Thị Thanh Thùy	04/07/1985	Toán học	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		
9	GV0417	Nguyễn Thu Thủy	21/09/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
10	GV0418	Nguyễn Thị Thanh Thùy	05/11/1996	Toán học	THPT Minh Hà		
11	GV0419	Nguyễn Thị Thủy	04/11/1986	Toán học	THPT Xuân Giang		
12	GV0420	Đỗ Viết Tiến	23/11/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
13	GV0421	Đào Anh Tiến	29/12/1998	Toán học	THPT Khương Đình		
14	GV0422	Nguyễn Duy Toàn	29/02/2000	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
15	GV0423	Giang Văn Toàn	17/02/1991	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
16	GV0424	Đỗ Thị Thu Trà	24/01/1997	Toán học	THPT Hoài Đức C		
17	GV0425	Hoàng Thị Thùy Trang	25/05/1996	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		
18	GV0426	Phùng Thu Trang	16/03/2000	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
19	GV0427	Nguyễn Thị Thùy Trang	22/06/2000	Toán học	THPT Hoài Đức C		
20	GV0428	Nguyễn Thị Thùy Trang	20/12/1994	Toán học	THPT Hoài Đức C		
21	GV0429	Nguyễn Thu Trang	29/06/2000	Toán học	THPT Hoài Đức C		
22	GV0430	Ngô Thị Trang	31/01/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
23	GV0431	Nguyễn Ngọc Thanh Trang	23/10/2001	Toán học	THPT Hoài Đức C		
24	GV0432	Lê Thị Trang	24/04/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0433	Kiều Thu Trang	15/08/2000	Toán học	THPT Hoài Đức C		
2	GV0434	Đào Thị Huyền Trang	23/09/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
3	GV0435	Đỗ Thị Thùy Trang	12/01/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
4	GV0436	Nguyễn Thu Trang	06/05/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
5	GV0437	Hoàng Huyền Trang	26/09/1994	Toán học	THPT Khương Đình		
6	GV0438	Nguyễn Thùy Trang	13/12/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
7	GV0439	Nguyễn Thu Trang	09/02/1995	Toán học	THPT Khương Đình		
8	GV0440	Hoàng Minh Trang	19/08/1999	Toán học	THPT Khương Đình		
9	GV0441	Phạm Vũ Lan Trang	24/12/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
10	GV0442	Phạm Quỳnh Trang	10/11/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
11	GV0443	Vương Thị Huyền Trang	10/11/1999	Toán học	THPT Minh Hà		
12	GV0444	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/10/1989	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
13	GV0445	Nguyễn Thu Trang	15/04/2001	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
14	GV0446	Nguyễn Thị Kiều Trang	10/04/1993	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
15	GV0447	Vũ Thị Huyền Trang	27/09/2001	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
16	GV0448	Trần Thị Thùy Trang	24/02/1996	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
17	GV0449	Nguyễn Thùy Trang	03/11/1996	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
18	GV0450	Ngô Phương Trang	05/09/2001	Toán học	THPT Việt Đức		
19	GV0451	Đàm Quỳnh Trang	06/01/2001	Toán học	THPT Yên Hòa		
20	GV0452	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	30/05/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
21	GV0453	Đỗ Thị Thùy Trinh	15/11/1998	Toán học	THPT Minh Hà		
22	GV0454	Nguyễn Đức Trung	13/11/2001	Toán học	THPT Khương Đình		
23	GV0455	Nguyễn Tuấn Trung	07/06/1996	Toán học	THPT Việt Đức		
24	GV0456	Lý Anh Tú	07/07/1990	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Phạm Thế Cường

Điểm thi: THPT Chu Văn An

Phòng thi số: 20

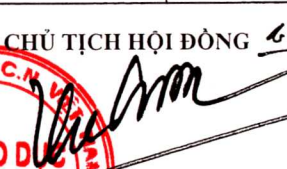
STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0457	Đặng Hoàng Tuấn	16/12/1996	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
2	GV0458	Lê Thị Minh Tuệ	07/07/1996	Toán học	THPT Đại Mỗ		
3	GV0459	Nguyễn Thanh Tùng	21/09/1996	Toán học	THPT Đông Mỹ		
4	GV0460	Trần Thanh Tùng	19/11/1996	Toán học	THPT Khương Đình		
5	GV0461	Lê Đức Tùng	07/02/1994	Toán học	THPT Khương Đình		
6	GV0462	Nguyễn Tiến Tùng	27/12/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
7	GV0463	Bùi Thị Kim Tuyến	21/10/1995	Toán học	THPT Hoài Đức C		
8	GV0464	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	26/08/1998	Toán học	THPT Ba Vì		
9	GV0465	Hoàng Thị Ánh Tuyết	14/10/1994	Toán học	THPT Hoài Đức C		
10	GV0466	Đỗ Thị Mỹ Vân	05/10/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		
11	GV0467	Nguyễn Thị Vân	22/05/1993	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
12	GV0468	Hà Bích Vượng	21/07/1996	Toán học	THPT Yên Hòa		
13	GV0469	Trần Hà Vy	09/12/2001	Toán học	THPT Việt Đức	5 - Dân tộc thiểu số	
14	GV0470	Nguyễn Thị Xâm	01/05/1991	Toán học	THPT Ba Vì		
15	GV0471	Phạm Thị Thanh Xuân	10/03/1999	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
16	GV0472	Hoàng Thị Hải Yến	15/08/1992	Toán học	THPT Đại Mỗ		
17	GV0473	Nguyễn Hải Yến	27/10/1997	Toán học	THPT Đại Mỗ		
18	GV0474	Nguyễn Hải Yến	24/08/1996	Toán học	THPT Đông Mỹ		
19	GV0475	Phan Thị Yến	02/10/1991	Toán học	THPT Hoài Đức C		
20	GV0476	Nguyễn Hải Yến	05/02/1997	Toán học	THPT Hoài Đức C		
21	GV0477	Ngô Thị Hải Yến	26/12/2000	Toán học	THPT Khương Đình		
22	GV0478	Nguyễn Thị Hải Yến	01/03/1995	Toán học	THPT Khương Đình		
23	GV0479	Nguyễn Thị Yến	04/07/1997	Toán học	THPT Khương Đình		
24	GV0480	Hoàng Thị Hải Yến	01/11/1993	Toán học	THPT Nguyễn Văn Cừ		

Tổng số thí sinh: 24



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0481	Nguyễn Thị Yến	29/09/1997	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
2	GV0482	Nguyễn Thị Yến	18/11/1996	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
3	GV0483	Vũ Thị Yến	23/03/1993	Toán học	THPT Việt Đức		
4	GV0484	Nguyễn Hải Yến	27/01/1997	Toán học	THPT Yên Hòa		
5	GV0485	Kiều Thị Phương Anh	04/11/1997	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
6	GV0486	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	23/03/2001	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
7	GV0487	Nguyễn Quỳnh Anh	01/05/1999	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
8	GV0488	Nguyễn Thị Vân Anh	01/04/1998	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
9	GV0489	Nguyễn Thị Vân Anh	18/05/2001	Hóa học	THPT Thanh Oai A		
10	GV0490	Vũ Tuấn Anh	08/01/2000	Hóa học	THPT Thanh Oai A		
11	GV0491	Lê Thị Ngọc Ánh	06/05/2000	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
12	GV0492	Phạm Thị Ngọc Ánh	14/09/2000	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
13	GV0493	Nguyễn Minh Châu	09/12/2000	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
14	GV0494	Nguyễn Thị Kim Cúc	25/09/1999	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
15	GV0495	Nguyễn Đức Du	23/01/1995	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
16	GV0496	Lương Thị Thuý Dung	24/04/1985	Hóa học	THPT Thanh Oai A		
17	GV0497	Vương Đăng Dương	06/04/2000	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
18	GV0498	Trần Thị Kim Giang	28/01/1994	Hóa học	THPT Thanh Oai A		
19	GV0499	Nguyễn Nhị Hà	20/09/1992	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
20	GV0500	Vũ Vân Hà	28/04/1999	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
21	GV0501	Đào Thu Hà	04/01/1996	Hóa học	THPT Thanh Oai A		
22	GV0502	Nguyễn Ngọc Hải	03/01/1997	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
23	GV0503	Nguyễn Trần Nguyệt Hằng	13/06/2001	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
24	GV0504	Nguyễn Thị Thu Hằng	21/11/1995	Hóa học	THPT Mỹ Đình		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG 

Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0505	Nguyễn Thị Hằng	15/08/1997	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
2	GV0506	Trương Thúy Hằng	10/06/1997	Hóa học	THPT Thanh Oai A		
3	GV0507	Nguyễn Thị Hậu	31/10/1996	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
4	GV0508	Lê Thị Hiền	14/08/1995	Hóa học	THPT Minh Khai		
5	GV0509	Tường Minh Hiền	14/08/2001	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
6	GV0510	Lưu Thị Thu Hiền	12/11/1997	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
7	GV0511	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/11/1996	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
8	GV0512	Lê Ngọc Hiếu	12/07/1998	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
9	GV0513	Dương Thanh Hoa	09/03/1997	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
10	GV0514	Vũ Thị Thanh Hoa	01/05/1992	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
11	GV0515	Nguyễn Thị Thu Hoa	20/11/1999	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
12	GV0516	Kiều Thị Hòa	04/05/1995	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
13	GV0517	Nguyễn Thị Thu Hoàn	06/12/1998	Hóa học	THPT Thanh Oai A		
14	GV0518	Đặng Thị Hồng	09/04/1995	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
15	GV0519	Nguyễn Thị Huê	12/04/1990	Hóa học	THPT Thanh Oai A		
16	GV0520	Đỗ Khắc Hùng	07/09/1995	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
17	GV0521	Phan Thị Mai Hương	20/03/1997	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
18	GV0522	Nguyễn Thị Thu Hương	06/06/2000	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
19	GV0523	Phạm Thị Thu Hương	27/09/1997	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
20	GV0524	Nguyễn Thị Sông Hương	21/06/2000	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
21	GV0525	Nguyễn Thị Hương	04/08/1992	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
22	GV0526	Đỗ Thị Hương	06/12/1995	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
23	GV0527	Bùi Minh Hường	11/10/1994	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
24	GV0528	Hoàng Thu Hường	07/07/1999	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		

Tổng số thí sinh: 24



Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0529	Nguyễn Thị Thanh Hường	21/11/1997	Hóa học	THPT Minh Khai		
2	GV0530	Nguyễn Thị Hường	31/10/1995	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
3	GV0531	Nguyễn Thị Huyền	07/08/1994	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
4	GV0532	Trịnh Thị Huyền	25/06/1992	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
5	GV0533	Nguyễn Thanh Huyền	29/09/1995	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
6	GV0534	Chu Thị Huyền	21/04/1991	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
7	GV0535	Nguyễn Thị Huyền	20/11/1997	Hóa học	THPT Thanh Oai A		
8	GV0536	Nguyễn Thị Bảo Khuyên	05/04/1990	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
9	GV0537	Phạm Thị Lan	26/02/1994	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
10	GV0538	Vũ Thị Lan	24/06/1998	Hóa học	THPT Thanh Oai A		
11	GV0539	Nguyễn Kim Liên	02/11/1995	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
12	GV0540	Bùi Thị Liễu	09/01/1992	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
13	GV0541	Phan Thị Mỹ Linh	30/04/1999	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
14	GV0542	Ngô Thị Thùy Linh	29/12/1999	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
15	GV0543	Đỗ Thị Thùy Linh	18/05/1996	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
16	GV0544	Chu Diệu Linh	23/05/1997	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
17	GV0545	Hà Phương Mai	28/08/1998	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
18	GV0546	Vũ Thị Thanh Nga	15/11/1996	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
19	GV0547	Bùi Thị Nga	07/01/1993	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
20	GV0548	Nguyễn Phương Nga	12/07/2000	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
21	GV0549	Chu Thị Nga	09/04/2000	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
22	GV0550	Nguyễn Hà Hương Ngoan	08/06/1995	Hóa học	THPT Mỹ Đình	15 - Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị	
23	GV0551	Đặng Thị Ngọc	15/10/1995	Hóa học	THPT Minh Khai		
24	GV0552	Bùi Hồng Ngọc	27/06/2000	Hóa học	THPT Minh Khai		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG 

Trần Thế Cường

Điểm thi: THPT Chu Văn An

Phòng thi số: 24

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0553	Nguyễn Hữu Thị Ngọc	30/04/1993	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
2	GV0554	Đào Ánh Nguyệt	24/08/1999	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
3	GV0555	Nguyễn Thị Thanh Nhâm	05/03/1992	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
4	GV0556	Trần Hoài Nhi	15/04/2000	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
5	GV0557	Nguyễn Thị Nhung	10/07/1996	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
6	GV0558	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/12/1999	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
7	GV0559	Phạm Thị Nữ	08/04/1989	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
8	GV0560	Trịnh Thị Ngọc Oanh	24/02/2000	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
9	GV0561	Vũ Lâm Oanh	04/01/1999	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
10	GV0562	Trần Kiều Oanh	03/10/1999	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
11	GV0563	Phạm Minh Phương	28/09/1999	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
12	GV0564	Dương Thị Bích Phương	28/10/1998	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
13	GV0565	Phạm Thị Phương	04/10/1986	Hóa học	THPT Hoàng Cầu	10 - Con Thương Binh	
14	GV0566	Phạm Hà Phương	09/03/1995	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
15	GV0567	Trịnh Thị Phương	20/11/1996	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
16	GV0568	Lê Thu Phương	27/03/1998	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
17	GV0569	Hà Mai Phương	28/08/1998	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
18	GV0570	Trần Văn Quang	25/05/1995	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
19	GV0571	Hà Thị Thùy Quyên	01/02/1992	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
20	GV0572	Tạ Thị Quỳnh	12/12/1998	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
21	GV0573	Đoàn Như Quỳnh	02/06/1999	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
22	GV0574	Nguyễn Thị Sinh	10/12/1997	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
23	GV0575	Trịnh Thị Tâm	19/12/2000	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
24	GV0576	Nguyễn Thị Tâm	18/11/1996	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		

Tổng số thí sinh: 24



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0577	Hoàng Thị Thanh	28/08/1998	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
2	GV0578	Trần Thị Thêu	25/10/1991	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
3	GV0579	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	18/03/1994	Hóa học	THPT Minh Khai		
4	GV0580	Nguyễn Thị Thọ	26/04/1990	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
5	GV0581	Bùi Thị Thơm	22/08/1998	Hóa học	THPT Minh Khai		
6	GV0582	Vũ Thị Hoài Thu	26/02/1998	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
7	GV0583	Lưu Huệ Thương	14/09/1995	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
8	GV0584	Nguyễn Văn Thanh Thủy	25/08/1991	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
9	GV0585	Mai Thị Thúy	09/12/1988	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
10	GV0586	Nguyễn Thị Thúy	19/05/1996	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
11	GV0587	Nguyễn Thị Thúy	28/06/1988	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
12	GV0588	Vũ Thu Thùy	07/07/1998	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
13	GV0589	Nguyễn Thị Thủy	10/09/1999	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
14	GV0590	Cao Thị Tơ	17/12/1988	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
15	GV0591	Đinh Thị Toàn	16/03/1999	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
16	GV0592	Ngô Thị Ngọc Trâm	12/10/2000	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
17	GV0593	Nguyễn Thị Trang	06/07/1994	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
18	GV0594	Bùi Thị Thu Trang	20/05/2000	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
19	GV0595	Vũ Thu Trang	23/09/1997	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
20	GV0596	Nguyễn Thu Trang	11/10/1996	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
21	GV0597	Chu Thị Quỳnh Trang	20/11/1998	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
22	GV0598	Lưu Thu Trang	26/08/1995	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
23	GV0599	Hoàng Minh Tuấn	06/01/1997	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
24	GV0600	Phạm Văn Tuấn	01/05/1994	Hóa học	THPT Mỹ Đình		

Tổng số thí sinh: 24



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0601	Trần Thế Tùng	16/10/1993	Hóa học	THPT Mỹ Đình		
2	GV0602	Vũ Thị Hồng Tuyền	12/06/1991	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
3	GV0603	Phạm Thu Uyên	13/11/1997	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
4	GV0604	Đào Thị Vân	10/09/1994	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
5	GV0605	Nguyễn Thị Viên	04/09/1993	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
6	GV0606	Nguyễn Thị Vui	08/01/1997	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
7	GV0607	Nguyễn Thị Hà Vy	02/11/2000	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
8	GV0608	Nguyễn Thị Thanh Xuân	17/04/1992	Hóa học	THPT Hoàng Cầu		
9	GV0609	Bùi Thị Xuân	07/04/1991	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
10	GV0610	Đỗ Thị Yến	24/11/1996	Hóa học	THPT Minh Khai		
11	GV0611	Bùi Thúy An	28/01/1999	Vật lý	THPT Khương Đình		
12	GV0612	Lưu Nhật Anh	10/10/1997	Vật lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
13	GV0613	Lê Thị Hải Anh	15/02/1997	Vật lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
14	GV0614	Dương Thị Lan Anh	15/01/1997	Vật lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
15	GV0615	Đàm Quân Anh	07/11/1995	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
16	GV0616	Đặng Thị Lan Anh	27/04/1996	Vật lý	THPT Khương Đình		
17	GV0617	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12/11/1999	Vật lý	THPT Sơn Tây		
18	GV0618	Nguyễn Thị Bình	29/11/1996	Vật lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
19	GV0619	Trương Thị Minh Châu	30/07/1995	Vật lý	THPT Khương Đình		
20	GV0620	Nguyễn Văn Chính	07/11/1994	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
21	GV0621	Vũ Bảo Chung	05/07/1993	Vật lý	THPT Khương Đình		
22	GV0622	Tổng Văn Chương	04/08/2000	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
23	GV0623	Trương Thị Diễm	21/08/1995	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
24	GV0624	Hà Thị Dịu	02/09/1996	Vật lý	THPT Hoài Đức C		

Tổng số thí sinh: 24



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0625	Vũ Thị Dịu	09/12/1991	Vật lý	THPT Khương Đình		
2	GV0626	Mai Thùy Dung	23/12/1989	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
3	GV0627	Đỗ Thùy Dương	28/05/2000	Vật lý	THPT Khương Đình		
4	GV0628	Nguyễn Thọ Duy	17/09/2000	Vật lý	THPT Khương Đình		
5	GV0629	Nguyễn Thị Hương Giang	12/10/1992	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
6	GV0630	Phùng Thị Hà	17/04/1997	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
7	GV0631	Phùng Thị Hà	08/07/1993	Vật lý	THPT Bắc Lương Sơn		
8	GV0632	Đỗ Thu Hà	10/11/1999	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
9	GV0633	Nguyễn Thị Thanh Hà	07/09/1997	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
10	GV0634	Nguyễn Thị Thu Hà	20/10/1996	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
11	GV0635	Nguyễn Thế Hoàng Hải	28/12/1993	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
12	GV0636	Nguyễn Thị Thu Hằng	05/03/1995	Vật lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
13	GV0637	Nguyễn Đăng Hành	30/09/1998	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
14	GV0638	Nguyễn Bá Thị Bích Hạnh	19/02/1999	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
15	GV0639	Đinh Hồng Hạnh	03/02/1991	Vật lý	THPT Khương Đình		
16	GV0640	Phạm Thị Thu Hiền	15/10/1993	Vật lý	THPT Khương Đình		
17	GV0641	Phan Thị Thanh Hiền	06/09/2001	Vật lý	THPT Khương Đình		
18	GV0642	Nguyễn Thạc Hiệp	24/09/1996	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
19	GV0643	Vũ Thị Hoa	04/12/1994	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
20	GV0644	Chu Thị Diệu Hoa	07/09/1993	Vật lý	THPT Khương Đình		
21	GV0645	Nguyễn Thị Hoa	02/09/1997	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
22	GV0646	Hạ Thị Hoài	04/09/1998	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
23	GV0647	Giang Thị Hồng	25/11/1993	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
24	GV0648	Nguyễn Thị Hồng	05/05/1993	Vật lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0649	Đặng Thị Hồng Huệ	18/09/2001	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
2	GV0650	Phạm Hồng Huệ	01/09/1997	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
3	GV0651	Đỗ Thị Lan Hương	10/05/1998	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
4	GV0652	Nguyễn Thu Hương	22/04/1995	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
5	GV0653	Trần Thị Thu Hương	26/03/1984	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
6	GV0654	Cần Thị Lan Hương	10/02/1995	Vật lý	THPT Bắc Lương Sơn		
7	GV0655	Trần Thu Hương	04/07/1997	Vật lý	THPT Bắc Lương Sơn		
8	GV0656	Nguyễn Thị Thu Hương	04/09/1993	Vật lý	THPT Bắc Lương Sơn		
9	GV0657	Nguyễn Thị Thu Hương	31/05/2000	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
10	GV0658	Bùi Thu Hương	25/11/1999	Vật lý	THPT Khương Đình		
11	GV0659	Cao Lương Văn Hường	30/06/1993	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
12	GV0660	Nguyễn Thanh Huyền	23/08/1997	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
13	GV0661	Nguyễn Thu Huyền	08/10/2000	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
14	GV0662	Dương Thị Ngọc Huyền	05/11/1999	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
15	GV0663	Tạ Thu Huyền	17/08/1995	Vật lý	THPT Sơn Tây		
16	GV0664	Nguyễn Thị La	02/09/1991	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi	13 - Con của thương binh loại B	
17	GV0665	Đặng Thị Lan	18/12/2000	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
18	GV0666	Nguyễn Thị Lan	29/11/1989	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
19	GV0667	Nguyễn Thị Lan	19/03/1993	Vật lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
20	GV0668	Nguyễn Thị Kim Lan	09/11/1991	Vật lý	THPT Sơn Tây		
21	GV0669	Nguyễn Thị Lê	08/01/1995	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
22	GV0670	Nguyễn Thị Liên	03/06/1991	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
23	GV0671	Nguyễn Thị Thuý Linh	24/08/2000	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
24	GV0672	Nguyễn Thị Thảo Linh	09/10/1999	Vật lý	THPT Hoài Đức C		

Tổng số thí sinh: 24



Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0673	Ngô Phương Linh	01/12/2000	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
2	GV0674	Hồ Diệu Linh	08/02/1993	Vật lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
3	GV0675	Phùng Thị Linh	20/08/1997	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
4	GV0676	Trần Bảo Long	28/01/1998	Vật lý	THPT Khương Đình		
5	GV0677	Trần Văn Mạnh	17/11/1995	Vật lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
6	GV0678	Sái Thị Mến	06/02/1991	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
7	GV0679	Phan Thanh Nga	16/07/1998	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
8	GV0680	Nguyễn Thị Nga	25/04/2000	Vật lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
9	GV0681	Bùi Thị Nga	15/12/2000	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
10	GV0682	Trần Thanh Nga	23/09/1998	Vật lý	THPT Khương Đình		
11	GV0683	Nguyễn Tuyết Ngân	10/05/1999	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
12	GV0684	Lê Thảo Ngân	30/09/2000	Vật lý	THPT Khương Đình		
13	GV0685	Nguyễn Đình Hải Ngân	16/05/1994	Vật lý	THPT Sơn Tây		
14	GV0686	Nguyễn Thị Giáng Ngoan	11/01/1994	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
15	GV0687	Nguyễn Thị Ngọc	03/08/1995	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
16	GV0688	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/12/1993	Vật lý	THPT Bắc Lương Sơn		
17	GV0689	Nguyễn Thị Ngọc	20/02/1994	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
18	GV0690	Nguyễn Kim Ngọc	02/04/1999	Vật lý	THPT Sơn Tây		
19	GV0691	Phan Thị Như Nguyệt	14/02/1995	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
20	GV0692	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	01/10/2001	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
21	GV0693	Nguyễn Thị Nguyệt	26/10/1999	Vật lý	THPT Khương Đình		
22	GV0694	Phan Thị Nhung	10/02/1993	Vật lý	THPT Khương Đình		
23	GV0695	Nguyễn Thị Nhung	01/04/1992	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
24	GV0696	Cao Thị Ninh	30/05/1995	Vật lý	THPT Bắc Lương Sơn		

Tổng số thí sinh: 24



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0697	Trương Thuý Oanh	13/02/1998	Vật lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
2	GV0698	Nguyễn Thị Phương	03/09/1994	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
3	GV0699	Phan Thị Phương	28/08/1989	Vật lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
4	GV0700	Nguyễn Thành Quang	15/03/1996	Vật lý	THPT Sơn Tây		
5	GV0701	Đinh Ngọc Quý	20/06/1995	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
6	GV0702	Nguyễn Bùi Quý	30/12/1996	Vật lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
7	GV0703	Nguyễn Văn Quý	28/10/1988	Vật lý	THPT Sơn Tây	15 - Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị	
8	GV0704	Nguyễn Thị Quyên	14/07/1998	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
9	GV0705	Trần Văn Quyên	20/07/1999	Vật lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
10	GV0706	Nguyễn Thu Quỳnh	20/12/1997	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
11	GV0707	Đinh Như Quỳnh	10/12/1997	Vật lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
12	GV0708	Đinh Thị Sao	17/08/1990	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
13	GV0709	Phan Thị Hương Sen	15/01/1995	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
14	GV0710	Hoàng Kim Sinh	20/05/1991	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
15	GV0711	Nguyễn Thị Tâm	23/12/1997	Vật lý	THPT Bắc Lương Sơn		
16	GV0712	Nguyễn Thị Thanh	21/03/1988	Vật lý	THPT Khương Đình		
17	GV0713	Nguyễn Tiến Thành	05/03/1998	Vật lý	THPT Khương Đình		
18	GV0714	Nguyễn Thị Thảo	07/08/1994	Vật lý	THPT Bắc Lương Sơn		
19	GV0715	Vũ Thị Phương Thảo	16/06/2001	Vật lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
20	GV0716	Phạm Thị Tho	19/03/1992	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
21	GV0717	Trần Thị Thu	11/03/2000	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
22	GV0718	Lương Thị Thanh Thư	07/08/1997	Vật lý	THPT Bắc Lương Sơn		
23	GV0719	Nguyễn Thị Kim Thư	06/10/1995	Vật lý	THPT Sơn Tây		
24	GV0720	Nguyễn Văn Thuý	24/02/1989	Vật lý	THPT Khương Đình		

Tổng số thí sinh: 24



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0721	Nguyễn Thu Thủy	13/10/1999	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
2	GV0722	Bùi Thị Thủy	08/11/1993	Vật lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
3	GV0723	Ngô Thị Thủy	15/08/1993	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
4	GV0724	Trần Ngọc Trâm	01/08/2000	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
5	GV0725	Kiều Trang	29/09/1998	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
6	GV0726	Nguyễn Thị Hà Trang	27/09/1999	Vật lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
7	GV0727	Hoàng Thị Huyền Trang	28/03/1999	Vật lý	THPT Hoài Đức C		
8	GV0728	Nguyễn Thị Huyền Trang	26/03/1994	Vật lý	THPT Khương Đình		
9	GV0729	Nguyễn Huyền Trang	17/08/1997	Vật lý	THPT Khương Đình		
10	GV0730	Nguyễn Xuân Trường	18/01/1996	Vật lý	THPT Khương Đình		
11	GV0731	Nguyễn Thị Thu Uyên	06/05/1997	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
12	GV0732	Vũ Thị Uyên	18/02/1997	Vật lý	THPT Khương Đình		
13	GV0733	Nguyễn Thị Uyển	12/12/1994	Vật lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
14	GV0734	Nguyễn Thùy Vân	02/07/1986	Vật lý	THPT Khương Đình		
15	GV0735	Nguyễn Thị Tường Vi	17/09/2000	Vật lý	THPT Bắc Lương Sơn		
16	GV0736	Hoàng Thị Linh Xuân	27/04/1991	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
17	GV0737	Đỗ Thị Như Yến	21/10/1995	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
18	GV0738	Trần Phương Yến	21/10/2000	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		
19	GV0739	Nguyễn Thị Yến	04/01/1987	Vật lý	THPT Khương Đình		
20	GV0740	Vũ Thị Hải Yến	24/06/1999	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
21	GV0741	Nguyễn Thị Yến	01/06/1997	Vật lý	THPT Sơn Tây		
22	GV0742	Phùng Thị Minh Anh	07/05/1999	Địa lý	THPT Khương Đình		
23	GV0743	Lại Ngọc Ánh	27/02/1997	Địa lý	THPT Phú Xuyên B		
24	GV0744	Đỗ Thị Việt Chinh	21/08/1996	Địa lý	THPT Hoài Đức C		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0745	Phạm Thị Hồng Chinh	28/09/1993	Địa lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
2	GV0746	Phạm Thị Ngọc Diệp	22/05/1996	Địa lý	THPT Khương Đình		
3	GV0747	Trần Quang Dự	15/10/1999	Địa lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
4	GV0748	Nguyễn Thị Phương Dung	27/09/1996	Địa lý	THPT Trung Giã		
5	GV0749	Đỗ Thị Thu Hà	25/07/1997	Địa lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
6	GV0750	Lê Hoàng Hà	25/09/1988	Địa lý	THPT Phú Xuyên B		
7	GV0751	Hoàng Thị Hải	03/11/1995	Địa lý	THPT Trung Giã	5 - Dân tộc thiểu số	
8	GV0752	Nguyễn Thị Hằng	20/02/1989	Địa lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
9	GV0753	Trần Thị Hằng	03/04/1997	Địa lý	THPT Đông Mỹ		
10	GV0754	Nguyễn Thị Hạnh	09/04/1996	Địa lý	THPT Khương Đình		
11	GV0755	Phạm Thị Hậu	10/08/1996	Địa lý	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		
12	GV0756	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/03/1992	Địa lý	THPT Khương Đình		
13	GV0757	Nguyễn Thu Hiền	23/05/2001	Địa lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
14	GV0758	Lương Thị Hiền	29/09/1992	Địa lý	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		
15	GV0759	Bùi Thị Thanh Hoa	05/07/1995	Địa lý	THPT Trung Giã		
16	GV0760	Vi Văn Hòa	09/05/1996	Địa lý	THPT Khương Đình	5 - Dân tộc thiểu số	
17	GV0761	Phạm Thị Thu Hồng	13/03/1992	Địa lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh	10 - Con thương binh	
18	GV0762	Sái Thị Huế	05/02/2000	Địa lý	THPT Hoài Đức C		
19	GV0763	Lê Thị Lan Hương	24/04/1999	Địa lý	THPT Khương Đình		
20	GV0764	Đinh Thị Thúy Hường	15/07/1998	Địa lý	THPT Khương Đình		
21	GV0765	Trần Thị Thanh Huyền	26/01/1999	Địa lý	THPT Trung Giã		
22	GV0766	Thăng Thị Lê	20/08/2000	Địa lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh	5 - Dân tộc thiểu số	
23	GV0767	Nguyễn Ngọc Linh	07/09/1998	Địa lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
24	GV0768	Nguyễn Thị Hương Ly	27/07/1996	Địa lý	THPT Mỹ Đình		

Tổng số thí sinh: 24



Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0769	Khuất Thị Minh Nguyệt	18/09/1992	Địa lý	THPT Minh Hà		
2	GV0770	Nguyễn Công Nhất	18/08/1999	Địa lý	THPT Mỹ Đình		
3	GV0771	Trần Thị Nhung	23/02/1998	Địa lý	THPT Mỹ Đình		
4	GV0772	Trần Thị Nhung	09/01/1999	Địa lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh	5 - Dân tộc thiểu số	
5	GV0773	Nguyễn Thị Ninh	12/07/1997	Địa lý	THPT Mỹ Đình		
6	GV0774	Hoàng Thị Phương	06/12/1994	Địa lý	THPT Hoài Đức C		
7	GV0775	Lê Thị Thuý Phương	10/08/1999	Địa lý	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		
8	GV0776	Đỗ Duy Quân	03/08/1998	Địa lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
9	GV0777	Đào Thị Như Quỳnh	20/09/1990	Địa lý	THPT Khương Đình		
10	GV0778	Nguyễn Trường San	03/11/2001	Địa lý	THPT Khương Đình		
11	GV0779	Đặng Hoài Sơn	12/01/1998	Địa lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
12	GV0780	Chu Thị Thanh Tâm	16/04/1993	Địa lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
13	GV0781	Nguyễn Thị Thu	18/08/1998	Địa lý	THPT Hoài Đức C		
14	GV0782	Phí Thị Thương	02/07/1998	Địa lý	THPT Minh Hà		
15	GV0783	Vũ Cẩm Thúy	15/05/1997	Địa lý	THPT Khương Đình		
16	GV0784	Nguyễn Việt Tiến	26/02/1998	Địa lý	THPT Mỹ Đình		
17	GV0785	Nguyễn Thu Trang	02/10/2000	Địa lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
18	GV0786	Nguyễn Kiều Trang	20/10/2000	Địa lý	THPT Mỹ Đình		
19	GV0787	Đỗ Thị Kiều Trang	06/08/1991	Địa lý	THPT Phú Xuyên B		
20	GV0788	Lê Thị Ngọc Yến	22/04/1997	Địa lý	THPT Khương Đình		
21	GV0789	Lê Công Anh	02/05/2001	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình		
22	GV0790	Nguyễn Văn Nam Anh	17/06/1999	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
23	GV0791	Nguyễn Minh Anh	26/02/1997	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Phương		
24	GV0792	Đinh Văn Cảnh	20/03/1997	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0793	Đặng Huy Chương	03/10/2001	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình		
2	GV0794	Đỗ Thành Đạt	10/01/1999	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình		
3	GV0795	Bùi Văn Điền	17/10/1984	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	5 - Dân tộc thiểu số	
4	GV0796	Nguyễn Kim Đồng	20/03/1995	Giáo dục thể chất	THPT Chúc Động		
5	GV0797	Phan Long Hải	18/05/1997	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Lợi		
6	GV0798	Khuất Thị Thu Hằng	02/10/2000	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Phương		
7	GV0799	Nguyễn Thị Hạnh	18/09/2000	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đức C		
8	GV0800	Đặng Đình Hậu	19/09/1986	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình		
9	GV0801	Nguyễn Tuấn Hùng	01/05/2001	Giáo dục thể chất	THPT Chúc Động		
10	GV0802	Trương Văn Hùng	12/02/1995	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
11	GV0803	Nguyễn Thị Hương	30/08/1997	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình		
12	GV0804	Nguyễn Thành Lâm	21/05/1995	Giáo dục thể chất	THPT Trung Giã		
13	GV0805	Nguyễn Thành Long	01/02/1999	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Phương		
14	GV0806	Nguyễn Hữu Nam	07/07/1997	Giáo dục thể chất	THPT Chúc Động		
15	GV0807	Nguyễn Thị Thủy Ninh	01/11/1991	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
16	GV0808	Đỗ Anh Quang	03/09/1991	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Phương		
17	GV0809	Đỗ Mạnh Thái	21/03/1999	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình		
18	GV0810	Vũ Văn Thành	07/12/1998	Giáo dục thể chất	THPT Việt Nam - Ba Lan		
19	GV0811	Nguyễn Văn Thịnh	30/01/1995	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình		
20	GV0812	Trần Ngọc Tiến	28/10/1999	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
21	GV0813	Nguyễn Anh Tuấn	06/10/1997	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà		
22	GV0814	Nguyễn Như Thị Thảo Anh	20/06/1996	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Hoài Đức C		
23	GV0815	Nguyễn Thị Châm	28/10/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Xuân Giang		
24	GV0816	Nghiêm Xuân Cường	25/02/1994	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Hoài Đức C		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Trần Thế Cường

Điểm thi: THPT Chu Văn An

Phòng thi số: 35

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0817	Nguyễn Thị Đào	20/10/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Yên Viên		
2	GV0818	Đoàn Thị Diễm	29/05/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
3	GV0819	Trần Thế Đoan	12/10/1994	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Khương Đình		
4	GV0820	Bùi Đình Đức	19/08/1996	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Thượng Cát		
5	GV0821	Nguyễn Văn Đức	27/10/1996	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Xuân Giang		
6	GV0822	Nguyễn Danh Dương	30/09/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Phúc Lợi		
7	GV0823	Nguyễn Khánh Duy	05/06/1983	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Yên Viên	10 - Con thương binh	
8	GV0824	Hoàng Thị Hà	12/02/1993	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Minh Hà		
9	GV0825	Nguyễn Thị Thanh Hải	29/01/1996	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Mỹ Đình		
10	GV0826	Nguyễn Thị Hằng	07/08/1995	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Đa Phúc		
11	GV0827	Bùi Thị Hằng	05/11/1989	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Minh Hà		
12	GV0828	Lưu Thị Thu Hằng	05/10/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
13	GV0829	Thân Thị Bích Hào	03/10/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Mỹ Đình		
14	GV0830	Bùi Nho Hiếu	01/11/1993	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Nguyễn Văn Cừ		
15	GV0831	Khuất Thị Hoa	13/07/1995	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Minh Hà		
16	GV0832	Vũ Thị Khuyên	02/02/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Hoàng Cầu		
17	GV0833	Đinh Thị Lan	23/06/1994	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
18	GV0834	Bùi Thị Luyến	25/07/1989	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Khương Đình		
19	GV0835	Ngô Thị Mai	16/03/1995	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Thượng Cát		
20	GV0836	Đỗ Bá Minh	20/03/1995	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Xuân Giang		
21	GV0837	Phùng Thị Thúy Nga	17/08/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Trương Định		
22	GV0838	Vũ Thị Ngọc	25/07/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Phúc Lợi		
23	GV0839	Nguyễn Hồng Nhung	27/01/1995	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Xuân Giang		
24	GV0840	Nguyễn Thị Thu Phương	22/10/1991	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Minh Hà		

Tổng số thí sinh: 24



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0841	Nguyễn Thị Phương	11/07/1996	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Mỹ Đình		
2	GV0842	Hoàng Kim Phụng	14/11/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Đa Phúc	5 - Dân tộc thiểu số	
3	GV0843	Phạm Thị Phụng	08/06/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Khương Đình		
4	GV0844	Nguyễn Thùy Quyên	30/01/1996	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Phúc Lợi		
5	GV0845	Doãn Như Quỳnh	15/12/1995	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Xuân Phương		
6	GV0846	Nguyễn Thị Thanh	25/06/1995	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Mỹ Đình		
7	GV0847	Bùi Đình Thành	07/12/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
8	GV0848	Nguyễn Thị Thu	20/07/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Hoài Đức C		
9	GV0849	Hoàng Thị Thu	04/12/1990	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
10	GV0850	Đinh Thu Thùy	11/09/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Minh Hà	5 - Dân tộc thiểu số	
11	GV0851	Trần Thị Trang	22/03/1991	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
12	GV0852	Kiều Xuân Trường	22/01/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Minh Hà	18 - Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	
13	GV0853	Nguyễn Đình Trường	15/08/1996	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Xuân Giang		
14	GV0854	Bùi Thanh Tú	03/10/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Hoài Đức C	5 - Dân tộc thiểu số	
15	GV0855	Nguyễn Thị Hồng Vân	18/06/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Đa Phúc		
16	GV0856	Phạm Khánh Vân	22/01/1999	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Hoài Đức C	5 - Dân tộc thiểu số	
17	GV0857	Nguyễn Thị Hải Yến	15/09/1993	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Hoài Đức C		
18	GV0858	Vũ Hải Yến	30/06/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Hoàng Cầu		
19	GV0859	Bùi Ngọc Anh	13/11/1998	Mỹ thuật	TH, THCS và THPT Khương Hạ		
20	GV0860	Đỗ Hoàng Anh	06/06/1992	Mỹ thuật	THPT Lê Lợi	10 - Con thương binh	
21	GV0861	Lương Thị Ngọc Anh	05/10/1994	Mỹ thuật	THPT Mê Linh		
22	GV0862	Tạ Linh Chi	04/12/1996	Mỹ thuật	THPT Khương Đình		
23	GV0863	Hà Yến Chi	09/09/2000	Mỹ thuật	THPT Thanh Oai A		
24	GV0864	Lã Hương Giang	24/09/1993	Mỹ thuật	THPT Sơn Tây		

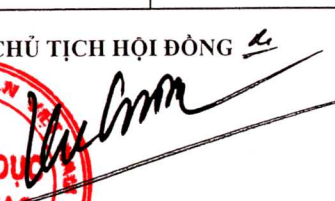
Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG 

Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0865	Nguyễn Anh Giang	25/08/1989	Mỹ thuật	THPT Vân Cốc		
2	GV0866	Kiều Cao Hà	25/07/1986	Mỹ thuật	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất		
3	GV0867	Nguyễn Thị Thanh Hằng	05/07/1996	Mỹ thuật	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		
4	GV0868	Kiều Thị Hằng	22/01/1986	Mỹ thuật	THPT Ngọc Tảo		
5	GV0869	Chu Thị Thu Hằng	12/08/1987	Mỹ thuật	THPT Xuân Khanh		
6	GV0870	Đào Thị Hiền	03/08/1992	Mỹ thuật	THPT Minh Khai		
7	GV0871	Phùng Thị Thanh Hoa	27/05/1988	Mỹ thuật	THPT Thanh Oai A		
8	GV0872	Bùi Thị Hồng	27/04/1987	Mỹ thuật	THPT Xuân Đình		
9	GV0873	Lê Thị Huệ	07/07/1989	Mỹ thuật	THPT Trung Văn		
10	GV0874	Nguyễn Thị Liên	17/11/1987	Mỹ thuật	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất		
11	GV0875	Trần Thị Nga	03/09/1992	Mỹ thuật	THPT Đại Mỗ		
12	GV0876	Nguyễn Thị Nguyệt	22/12/1988	Mỹ thuật	THPT Minh Hà		
13	GV0877	Kiều Thị Oanh	08/06/1991	Mỹ thuật	THPT Phùng Khắc Khoan		
14	GV0878	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/05/1996	Mỹ thuật	THPT Ứng Hoà A		
15	GV0879	Tạ Thị Thu Thủy	11/04/1995	Mỹ thuật	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		
16	GV0880	Phí Thị Thuyết	13/12/1989	Mỹ thuật	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
17	GV0881	Đào Thị Minh Trang	03/07/2000	Mỹ thuật	THPT Cổ Loa		
18	GV0882	Vũ Thanh Tuyền	20/04/1989	Mỹ thuật	THPT Đan Phượng		
19	GV0883	Hà Thị Yên	04/09/1992	Mỹ thuật	THPT Chu Văn An	5 - Dân tộc thiểu số	
20	GV0884	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/10/1993	Mỹ thuật	THPT Trung Văn		
21	GV0885	Trần Bảo Yến	17/08/1994	Mỹ thuật	THPT Xuân Khanh		
22	GV0886	Chu Thị Vân Anh	18/02/1993	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Khương Đình	5 - Dân tộc thiểu số	
23	GV0887	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/03/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Liên Hà		
24	GV0888	Nguyễn Thị Minh Châu	27/06/2000	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG 

Trần Thế Cường

Điểm thi: THPT Chu Văn An

Phòng thi số: 38

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0889	Phí Thị Chung	07/09/1995	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Minh Hà	11 - Con bệnh binh	
2	GV0890	Đinh Văn Đông	11/02/1995	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
3	GV0891	Phạm Thị Dung	28/02/1991	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Liên Hà		
4	GV0892	Nguyễn Thị Giang	22/04/2000	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Mỹ Đình		
5	GV0893	Quyền Thị Thu Hằng	25/03/1999	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Mỹ Đình		
6	GV0894	Nguyễn Thị Hậu	05/03/1992	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Phú Xuyên B	5 - Dân tộc thiểu số	
7	GV0895	Nguyễn Thị Hiền	19/01/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
8	GV0896	Nguyễn Thu Hiền	30/08/1993	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
9	GV0897	Phạm Thị Kim Huệ	30/09/1987	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Khương Đình		
10	GV0898	Nguyễn Thị Thu Hương	13/09/1998	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Minh Hà		
11	GV0899	Đinh Thị Huyền	20/09/1991	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
12	GV0900	Nguyễn Thị Huyền	14/08/1993	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Hoàng Cầu		
13	GV0901	Lê Thị Lan	29/03/1983	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Quang Trung - Hà Đông		
14	GV0902	Nguyễn Thị Khánh Linh	23/07/2001	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Mỹ Đình		
15	GV0903	Đỗ Thị Mỹ Linh	30/07/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
16	GV0904	Đinh Thị Thùy Linh	08/06/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
17	GV0905	Nguyễn Thị Mỹ Linh	22/12/1999	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		
18	GV0906	Vũ Thị Luyến	12/08/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Phú Xuyên B		
19	GV0907	Nguyễn Thị Tuyết Mai	17/06/2001	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Hoài Đức C	5 - Dân tộc thiểu số	
20	GV0908	Nguyễn Thị Ngọc Mai	21/10/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
21	GV0909	Nguyễn Thị Mến	01/07/1991	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
22	GV0910	Hoàng Phương Nhi	07/07/2000	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
23	GV0911	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	21/10/1995	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Hoài Đức C		
24	GV0912	Nguyễn Thị Quỳnh	29/02/1992	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Trần Thế Cường

Điểm thi: THPT Chu Văn An

Phòng thi số: 39

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0913	Vũ Xuân Quỳnh	07/11/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		
2	GV0914	Đặng Đình Sơn	05/12/1996	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi		
3	GV0915	Nguyễn Thị Thắm	17/01/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Liên Hà		
4	GV0916	Phạm Thị Thơ	08/10/1990	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Hoài Đức C		
5	GV0917	Nguyễn Thị Thoa	10/09/1995	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Chúc Động		
6	GV0918	Phạm Thị Lan Thom	13/01/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		
7	GV0919	Nguyễn Thùy Trang	14/08/1998	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Mỹ Đình		
8	GV0920	Đỗ Thị Vui	24/10/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Hoài Đức C		
9	GV0921	Nguyễn Huyền An	28/03/1995	Âm nhạc	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		
10	GV0922	Nguyễn Lương Ngọc Anh	12/11/2001	Âm nhạc	THPT Đan Phượng		
11	GV0923	Đặng Thùy Dung	13/12/1996	Âm nhạc	THPT Minh Quang	5 - Dân tộc thiểu số	
12	GV0924	Tô Thi Dung	03/07/1997	Âm nhạc	THPT Tiền Phong		
13	GV0925	Vũ Tiến Dũng	20/07/2001	Âm nhạc	THPT Tây Hồ		
14	GV0926	Hoàng Thùy Dương	03/02/1999	Âm nhạc	THPT Đan Phượng		
15	GV0927	Vũ Thị Hà	16/04/1986	Âm nhạc	THPT Thanh Oai B		
16	GV0928	Đỗ Thị Hồng Hạnh	06/07/1998	Âm nhạc	THPT Đan Phượng		
17	GV0929	Nguyễn Thị Hiền	24/11/1993	Âm nhạc	THPT Nguyễn Văn Cừ		
18	GV0930	Ngô Việt Hoàng	19/12/2000	Âm nhạc	THPT Yên Viên		
19	GV0931	Nguyễn Thị Hương	10/01/1988	Âm nhạc	THPT Đại Mỗ		
20	GV0932	Nguyễn Thị Hương	26/07/1992	Âm nhạc	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		
21	GV0933	Hoàng Thị Hương	25/10/1993	Âm nhạc	THPT Sóc Sơn		
22	GV0934	Nguyễn Đức Kiên	24/03/1987	Âm nhạc	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		
23	GV0935	Đỗ Thị Lụa	16/02/1988	Âm nhạc	THPT Mỹ Đình		
24	GV0936	Tạ Thị Mây	18/10/1997	Âm nhạc	THPT Quang Trung - Hà Đông		

Tổng số thí sinh: 24

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Trần Thế Cường

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	GV0937	Bùi Thị Ngọc Mến	11/01/1991	Âm nhạc	THPT Mỹ Đình		
2	GV0938	Nguyễn Thị Thanh Nga	20/08/1995	Âm nhạc	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		
3	GV0939	Đỗ Thuý Ngân	08/11/1998	Âm nhạc	THPT Xuân Đình		
4	GV0940	Ngô Thị Kim Oanh	26/04/1989	Âm nhạc	THPT Tây Hồ		
5	GV0941	Hoàng Thị Phương	27/07/1993	Âm nhạc	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		
6	GV0942	Nguyễn Thị Sáu	20/04/1988	Âm nhạc	THPT Trần Đăng Ninh	15 - Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị	
7	GV0943	Đặng Thị Tâm	05/01/1997	Âm nhạc	THPT Chúc Động		
8	GV0944	Nguyễn Thị Thúy	30/05/1994	Âm nhạc	THPT Quốc Oai		
9	GV0945	Nguyễn Thị Thủy	19/08/1999	Âm nhạc	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		
10	GV0946	Dương Thị Thủy	11/11/1992	Âm nhạc	THPT Trung Giã		
11	GV0947	Lê Thị Thu Thủy	13/06/1991	Âm nhạc	THPT Trương Định	10 - Con thương binh	
12	GV0948	Cao Thị Hà Trang	18/04/1996	Âm nhạc	THPT Phan Đình Phùng		
13	GV0949	Hà Thị Minh Tuyền	22/03/1988	Âm nhạc	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		
14	GV0950	Hoàng Thị Hồng Vân	10/02/1989	Âm nhạc	THPT Thanh Oai B		
15	GV0951	Vũ Thùy Vi	20/05/1999	Âm nhạc	THPT Trần Nhân Tông		
16	GV0952	Nguyễn Thị Yến	24/04/1994	Âm nhạc	THPT Phú Xuyên A		
17	GV0953	Nguyễn Ngọc Châm	26/01/1997	Công nghệ_KTCN	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		
18	GV0954	Đỗ Thị Hồng Hạnh	05/08/1998	Công nghệ_KTCN	THPT Xuân Phương		
19	GV0955	Đỗ Thị Hòa	16/08/1996	Công nghệ_KTNN	THPT Cổ Loa		
20	GV0956	Nguyễn Thị Lan Hương	26/10/1997	Công nghệ_KTCN	THPT Cổ Loa		
21	GV0957	Đinh Thị Thanh Huyền	09/12/1997	Công nghệ_KTCN	THPT Thượng Cát		
22	GV0958	Cần Thị Hà Linh	26/01/1995	Công nghệ_KTCN	THPT Khương Đình		
23	GV0959	Lưu Thị Quyên	23/05/1995	Công nghệ_KTCN	THPT Nguyễn Quốc Trinh		
24	GV0960	Nguyễn Minh Trang	04/03/1997	Công nghệ_KTCN	THPT Kim Liên		

Tổng số thí sinh: 24



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Trần Thế Cường